

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2019/HSST
Ngày 30-5-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Hồng Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh C

2. Bà Lê Thị Ngọc Nương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh T, Thư ký Tòa án nhân dân huyện G.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên tòa: Ông Hà Duy Phúc, Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 5 năm 2019, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 03/2019/TLST-HS, ngày 18 tháng 3 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2019/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 5 năm 2019 đối với bị cáo:

- Họ và tên: **Châu Tấn P**, sinh năm 1978; Giới tính: Nam.
- Tên gọi khác: Lem.
- Nơi ĐKKHKT: Ấp KH, xã TKH, huyện G, tỉnh Kiên Giang.
- Chỗ ở hiện nay: Ấp KH, xã TKH, huyện G, tỉnh Kiên Giang.
- Quốc tịch: Việt Nam - Dân tộc: Kinh - Tôn giáo: Không;
- Nghề nghiệp: Lao động tự do;
- Trình độ văn hóa: 02/12;
- Họ tên Cha: Châu Văn T- Sinh năm: 1942 (Sống);
- Họ tên Mẹ: Thi Thị S- Sinh năm: 1955 (Sống);
- Họ tên Vợ (thứ nhất): Phan Thị L- Sinh năm: 1981; Đã ly hôn năm 2008.
- Họ tên Vợ (thứ hai): Phan Ánh T- Sinh năm: 1978 (Sống).
- Con: Lớn nhất sinh năm 1997, nhỏ nhất sinh năm 1999.
- Anh, chị, em ruột: 06 người, lớn nhất sinh năm 1976, nhỏ nhất sinh năm 1986 (bị cáo là con thứ hai trong gia đình);
- Tiền án: Ngày 01/02/2014 P có hành vi Cố ý gây thương tích bị Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang xử phạt 12 tháng tù giam, đến ngày 07/5/2015 P chấp hành xong án phạt tù và trở về địa phương sinh sống (đã xóa án tích).
- Tiền sự: Không.

Bị cáo bị khởi tố ngày 20/12/2018 và ra Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 01/LCĐKNCT, ngày 20/12/2018 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G. Hiện bị cáo đang được tại ngoại theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số: 02/LCCT-VKS, ngày 20/2/2019 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện G. (Bị cáo có mặt)

Nguyên đơn dân sự: Chi cục Thủy lợi tỉnh Kiên Giang

Địa chỉ: 731B đường NTT, phường AH, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Trịnh Đình Bảo, sinh năm 1980 (có mặt)

Địa chỉ: 731B đường NTT, phường AH, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Võ Văn H, sinh năm 1977. (có đơn xin vắng)

Địa chỉ: ấp KH, xã TKH, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

- Ông Đặng Hoàng L, sinh năm 1977. (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp KH, xã TKH, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

- Ông Bùi Văn C, sinh năm 1974. (có mặt)

Địa chỉ: ấp PT, xã AC, huyện TB, tỉnh An Giang

- Ông Trần Văn H, sinh năm 1967. (có mặt)

Địa chỉ: ấp TE, xã VĐ, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

- Ông Huỳnh Văn T, sinh năm 1978. (vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm TS, thị trấn NB, huyện TB, tỉnh An Giang.

- Ông Chau Chanh N, sinh năm 1990. (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp PT, xã AC, huyện TB, tỉnh An Giang

- Ông Lê Thanh Th, sinh năm 1996. (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp PT, xã AC, huyện TB, tỉnh An Giang

Người làm chứng:

- Ông Nguyễn Văn Ch, sinh năm 1985. (có đơn xin vắng)

Địa chỉ: ấp KH, xã TKH, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

- Ông Nguyễn Trung L, sinh năm 1982. (có mặt)

Địa chỉ: ấp TT, xã TKH, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

- Ông Vũ Minh Th, sinh năm 1969. (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp KH, xã TKH, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

- Ông Châu Văn T, sinh năm 1942. (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp KH, xã TKH, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Châu Tấn P (Lem) thường trú ấp KH, xã TKH, huyện G, tỉnh Kiên Giang, vì muốn có tiền tiêu xài nên từ ngày 28 đến ngày 30 tháng 10 năm 2018 Đã thực hiện hành vi Công nhiên chiếm đoạt cây của Chi cục Thủy lợi Kiên Giang để bán cho anh Bùi Văn C thường trú ấp PT, xã AC, huyện TB, tỉnh An Giang, cụ thể như sau:

Qua môi giới của anh Trần Văn H ngụ ấp TE, xã VĐ, huyện G, tỉnh Kiên Giang để cho Châu Tấn P bán cây Tràm bông vàng lá lớn (keo tai tượng) và cây

Bạch đàn của Chi cục Thủy lợi Kiên Giang cho anh C khoảng 100 cây tại khu vực cống ngăn mặn thuộc ấp KH, xã TKH, huyện G, tỉnh Kiên Giang với giá 20.000.000 đồng, anh C đưa tiền cọc trước 5.000.000 đồng và hẹn 04 ngày sau (ngày 28/10/2018) khi đến cưa cây sẽ đưa thêm 10.000.000 đồng, còn 5.000.000 đồng khi nào cưa xong sẽ đưa đủ.

Sáng ngày 28/10/2018, anh C thuê anh Huỳnh Văn T, anh Chau Chanh N, anh Lê Thanh Th sử dụng 02 cây cưa máy đến đưa thêm tiền cho P như đã thỏa thuận rồi tiến hành cưa cây, khi cưa đến khoảng 10 giờ thì anh L cán bộ hợp đồng Chi cục Thủy lợi Kiên Giang phát hiện và ngăn cản, yêu cầu anh C ngừng việc cưa cây, đồng thời anh L gọi điện thoại báo cho anh Hoài cán bộ hợp đồng của Chi cục thủy sản Kiên Giang biết sự việc. Sau khi được anh L ngăn cản, anh C không cưa nữa mà báo cho P biết việc anh L ngăn cản không cho cưa cây, Pyêu cầu anh C cứ cưa cây bình thường có gì thì P chịu trách nhiệm. Khoảng nửa tiếng sau anh L, anh Hoài cùng anh Đồng Văn T Phó Công an đến hiện trường, lúc này P cũng có mặt, tại đây anh L có nói với P cây này của nhà nước mà sao anh cho người cưa, khi đó P nói nhà nước là của ai thì đến nói Ch với Phước, ngoài ra P cho rằng cây này là của bà Nguyễn Thị Quân là bà Nội nên P được quyền khai thác (đất đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang thu hồi và đã bồi thường cho bà Quân). Thấy vậy anh Tiền, anh Hoài, anh L bỏ về, sau đó Pyêu cầu anh C cứ cưa cây tiếp có gì thì P chịu trách nhiệm, anh C cùng anh T, anh Th, anh N cưa đến khoảng 14 giờ cùng ngày thì cưa máy bị hư nên ra về. Ngày 29/10/2018, P tiếp tục yêu cầu anh C đến cưa cây nên anh C cùng anh T, anh Th, anh N tiếp tục đến hiện trường để cưa cây, đến khoảng 14 giờ cùng ngày thì tổ công tác gồm: anh Nguyễn Văn Ch, anh Nguyễn Trung L, anh Tiền, anh Hoài và anh L được Chủ tịch xã TKH phân công đến hiện trường để ngăn cản việc cưa cây. Tại hiện trường tổ công tác tiếp tục giải thích về nguồn gốc của cây và yêu cầu anh C dừng việc cưa cây, thấy vậy anh C báo cho P biết thì P liền đi đến và có yêu cầu tổ công tác đưa ra giấy tờ để chứng minh nguồn gốc đất và cây, nếu không thì P vẫn tiếp tục yêu cầu anh C cưa cây, do anh C định bỏ về không cưa cây nên P đã yêu cầu anh C quay lại cưa cây nếu không thì sẽ mất tiền cọc, còn việc cưa cây là do P đã bán cây cho anh C nếu có gì thì P hoàn toàn chịu trách nhiệm, thấy vậy tổ công tác bỏ về, còn anh C, anh T, anh Th, anh N tiếp tục ở lại cưa cây đến khoảng 14 giờ thì ra về. Đến ngày 30/10/2018, anh C tiếp tục vào cưa số cây còn lại, đến khoảng 8 giờ cùng ngày thì ông là cha ruột P đến can ngăn và xảy ra tranh chấp, sau đó tất cả dừng việc cưa cây. Ngày 06/11/2018 và ngày 05/12/2018 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G đã tạm giữ 417 khúc gỗ Tràm bông vàng và bạch đàn. Đến ngày 20/12/2018, P bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G khởi tố và ra Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Trong quá trình điều tra P thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Vật chứng trong vụ án:

- 370 (ba trăm bảy mươi) khúc gỗ tạm giữ ngày 31/10/2018, trong đó: 25 (hai mươi lăm) khúc gỗ bạch đàn có tổng khối lượng 1,1756m³ (một phẩy một bảy năm sáu mét khối) và 345 (ba trăm bốn mươi lăm) khúc gỗ tràm bông vàng lá lớn

có khối lượng $11,6381\text{m}^3$ (mười một phẩy sáu ba tám một mét khối) (BL 136), đã trả lại cho bị hại (259, 260).

- 47 (bốn mươi bảy) khúc gỗ, trong đó: 23 (hai mươi ba) khúc gỗ bạch đàn có tổng khối lượng $0,8729\text{m}^3$ (không phẩy tám bảy hai chín mét khối) và 24 (hai mươi bốn) khúc gỗ trầm bông vàng lá lớn (keo tai tượng) có khối lượng $1,0891\text{m}^3$ (một phẩy không tám chín một mét khối), (bút lục 137-138). Đã trả lại cho bị hại (bút lục 259, 260).

- 01 (một) máy cưa cây màu vàng dài 80cm, lưỡi cưa dài 40cm, đã qua sử dụng (BL 136a, 139, 153 đến 155).

- 01 (một) máy cưa cây màu đỏ dài 80cm, lưỡi cưa dài 40cm, đã qua sử dụng (bút lục 136a, 139, 153 đến 155).

Tại Kết luận định giá tài sản số: 12/ĐG-HĐĐG, ngày 03/12/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện G kết luận 370 khúc gỗ của Chi cục Thủy lợi Kiên Giang gồm: 25 khúc gỗ bạch đàn, 345 khúc gỗ Trầm bông vàng lá lớn tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị còn lại là 21.770.000 đồng (hai mươi một triệu bảy trăm bảy mươi nghìn đồng), (bút lục 130, 131).

Tại Kết luận định giá tài sản số 13/ĐG-HĐĐG, ngày 13/12/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện G kết luận 47 khúc gỗ gồm: 23 khúc gỗ bạch đàn, 24 khúc gỗ Trầm bông vàng lá lớn của Chi cục Thủy lợi Kiên Giang tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị còn lại là 2.571.000 đồng (hai triệu năm trăm bảy mươi một nghìn đồng), (bút lục 133 đến 134). Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 24.271.000 đồng (hai mươi bốn triệu hai trăm bảy mươi một ngàn đồng).

Tại Tòa, đại diện theo ủy quyền của Chi cục Thủy lợi tỉnh Kiên Giang có lời khai cho rằng toàn bộ số cây bạch đàn và trầm bông vàng mà bị cáo chặt để bán là tài sản của Chi cục Thủy lợi Kiên Giang đã được cấp có thẩm quyền giao cho đơn vị quản lý, sử dụng. Việc bị cáo P có hành vi xâm phạm đến quyền sở hữu số tài sản này là vi phạm pháp luật. Do đó, về trách nhiệm hình sự, đại diện chi cục thủy lợi đề nghị HĐXX xét xử bị cáo theo quy định, về trách nhiệm dân sự đại diện chi cục thủy lợi cho rằng đơn vị đã được nhận lại số khúc gỗ bị chiếm đoạt nên không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bùi Văn C cho rằng: Ông được ông Trần Văn H giới thiệu đến mua cây của Châu Tấn P và hoàn toàn không biết rõ nguồn gốc số cây này. Trong thời gian cưa cây, mặc dù có cán bộ đến ngăn cản nhưng do bị cáo quả quyết số cây này là của gia đình bị cáo và cam đoan sẽ chịu trách nhiệm nếu có việc gì xảy ra nên ông cùng những người do ông thuê đến vẫn tiếp tục cưa cây. Mặt khác ông đã giao cho bị cáo tổng cộng 15.000.000 đồng nên cũng sợ mất tiền nếu dừng công việc. Nay bị cáo P đã hoàn trả cho ông toàn bộ số tiền 15.000.000 đồng nên tại phiên tòa ông không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm.

Người có quyền nghĩa vụ liên quan Trần Văn H cho rằng: ông vốn sinh sống tại địa phương và biết rõ bị cáo và gia đình bị cáo. Do nhầm tưởng số cây này là của bà nội bị cáo (bà Quân) nên mới tìm người mua. Ông hoàn toàn không biết việc nhà nước đã thu hồi đất và bồi hoàn thành quả lao động cho bà Quân cũng như không bàn bạc trao đổi gì với bị cáo từ trước. Trong vụ án này ông không có yêu cầu gì.

Tại bản Cáo trạng số 02/CT-VKS-KT ngày 15/3/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện G đã truy tố bị cáo Châu Tấn P (Lem) về tội "Công nhiên chiếm đoạt tài sản" theo Điều 172 của Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017), cụ thể:

Về trách nhiệm hình sự: Viện kiểm sát đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 172; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đề tuyên phạt bị cáo từ 12 đến 18 tháng tù.

Các biện pháp tư pháp:

Vật chứng là số khúc gỗ bạch đàn và trầm bông vàng đã trao trả cho chủ sở hữu (chi cục thủy lợi) nên đề nghị không xem xét

Vật chứng là 01 (một) máy cưa cây màu đỏ dài 80cm, lưỡi cưa dài 40cm, đã qua sử dụng là tài sản thuộc sở hữu của ông Bùi Văn C và 01 (một) máy cưa cây màu vàng dài 80cm, lưỡi cưa dài 40cm đã qua sử dụng là tài sản thuộc sở hữu của ông Huỳnh Văn T. Do ông C, anh T không biết rõ tài sản bị chiếm đoạt là của cơ quan, tổ chức cũng không có bàn bạc, trao đổi với bị cáo trước đó nên đề nghị HĐXX xem xét trả lại tài sản này cho các ông C, T.

(Hiện hai máy cưa này đang được bảo quản tại Kho vật chứng Đội thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp Công an huyện G)

Về trách nhiệm dân sự: nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu nên miễn xét.

Về án phí: Áp dụng Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Điều 35, Điều 37 và Điều 42 Bộ luật Tố tụng hình sự và hợp pháp. Các chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra Công an huyện G, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện G, Kiểm sát viên thu thập và những người tham gia tố tụng khác cung cấp đều phù hợp quy định của Bộ luật tố tụng hình sự về chứng cứ. Quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử tại phiên tòa, bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Đối với việc vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng đã có lời khai làm rõ tình tiết trong hồ sơ vụ án không gây trở ngại cho việc

xét xử. Căn cứ Điều 292, Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt những người này.

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa, bị cáo Châu Tấn P (Lem) hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, vật chứng và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Cụ thể bị cáo khai nhận: Vì muốn có tiền tiêu xài, nên từ ngày 28 đến ngày 30 tháng 10 năm 2018 bị cáo đã thực hiện hành vi Công nhiên chiếm đoạt tài sản là cây Tràm bông vàng lá lớn (keo tai tượng) và cây Bạch đàn của Chi cục Thủy lợi Kiên Giang để bán cho anh Bùi Văn C, quá trình thực hiện hành vi của mình được anh Hoài và anh L là người quản lý, bảo vệ tài sản ngăn cản, giải thích nhưng bị cáo không chấp hành và thực hiện hành vi đến cùng. Hậu quả là đã gây thiệt hại cho Chi cục Thủy lợi Kiên Giang hơn 80 cây Tràm bông vàng lá lớn (keo tai tượng) và cây Bạch đàn. Theo Kết luận định giá tài sản số 12/ĐG-HĐĐG ngày 03/12/2018 và số 13/ĐG-HĐĐG ngày 13/12/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện G tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 24.271.000 đồng (hai mươi bốn triệu hai trăm bảy mươi một nghìn đồng).

Với hành vi nêu trên của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở kết luận bị cáo Châu Tấn P (Lem) phạm tội "Công nhiên chiếm đoạt tài sản" được quy định tại khoản 1 Điều 172 của Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017)

Điều 172 Bộ luật hình sự quy định:

1. Người nào công nhiên chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm;

b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 173, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

c) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội;

.....

[3] Xét về tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác mà còn làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Bản thân bị cáo trong quá trình thực hiện hành vi vi phạm pháp luật mặc dù đã được người của chi cục thủy lợi, cán bộ UBND xã, công an xã đến ngăn cản nhưng bị cáo vẫn quyết thực hiện đến cùng. Do đó, cần phải áp dụng một mức án tương xứng với tính chất hành vi mà bị cáo đã gây ra nhằm có đủ điều kiện cải tạo bị cáo thành công dân tốt có ích cho xã hội, đồng thời có tác dụng răn đe và phòng ngừa chung.

[4] Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách hình sự đối với bị cáo:

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng được quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt: Với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo cần áp dụng một mức hình phạt tương xứng, đủ nghiêm để vừa đảm bảo tính răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung. Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G về mức hình phạt đối với bị cáo từ 12 đến 18 tháng tù là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Đối với ông Bùi Văn C HĐXX thấy rằng: Ông được ông Trần Văn H giới thiệu đến mua cây của Châu Tấn P và hoàn toàn không biết rõ nguồn gốc số cây này. Trong thời gian cưa cây, mặc dù có cán bộ đến ngăn cản nhưng do bị cáo quả quyết số cây này là của gia đình bị cáo và cam đoan sẽ chịu trách nhiệm nếu có việc gì xảy ra nên ông cùng những người do ông thuê đến vẫn tiếp tục cưa cây. Mặt khác ông đã giao cho bị cáo tổng cộng 15.000.000 đồng nên sợ mất tiền nếu dừng công việc. Do đó chưa đủ cơ sở để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với ông C

Đối với ông Trần Văn H HĐXX thấy rằng: Do nhầm tưởng số cây này là của bà nội bị cáo (bà Quân) nên ông mới tìm người mua cây giúp cho bị cáo. Ông hoàn toàn không biết việc nhà nước đã thu hồi đất và bồi hoàn thành quả lao động cho bà Quân cũng như không bàn bạc trao đổi gì với bị cáo từ trước. Do đó chưa đủ cơ sở để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với ông H

Đối với các ông Huỳnh Văn T, Châu Chanh N, Lê Thanh Th mặc dù trực tiếp cưa cây nhưng là những người làm thuê do ông C thuê đến làm việc, không có trao đổi bàn bạc, không rõ nguồn gốc tài sản nên chưa đủ cơ sở để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với các ông.

[6] Trách nhiệm dân sự:

Do Nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu nên HĐXX miễn xét.

[7] Các biện pháp tư pháp: áp dụng Điều 46, Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017); Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- 370 (ba trăm bảy mươi) khúc gỗ tạm giữ ngày 31/10/2018, trong đó: 25 (hai mươi lăm) khúc gỗ bạch đàn có tổng khối lượng $1,1756m^3$ (một phẩy một bảy năm sáu mét khối) và 345 (ba trăm bốn mươi lăm) khúc gỗ trầm bông vàng lá lớn có khối lượng $11,6381m^3$ (mười một phẩy sáu ba tám một mét khối); 47 (bốn mươi bảy) khúc gỗ, trong đó: 23 (hai mươi ba) khúc gỗ bạch đàn có tổng khối lượng $0,8729m^3$ (không phẩy tám bảy hai chín mét khối) và 24 (hai mươi bốn) khúc gỗ trầm bông vàng lá lớn (keo tai tượng) có khối lượng $1,0891m^3$ (một phẩy không tám chín một mét khối) đã trả lại cho bị hại theo biên bản ngày 23/01/2019 nên HĐXX miễn xét.

- Trả lại 01 (một) máy cưa cây màu đỏ dài 80cm, lưỡi cưa bằng kim loại dài 40cm, đã qua sử dụng cho ông Bùi Văn C và 01 (một) máy cưa cây màu vàng dài 80cm, lưỡi cưa bằng kim loại dài 40cm đã qua sử dụng cho ông Huỳnh Văn T

(Hiện hai máy cưa đang được bảo quản tại Kho vật chứng Đội thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp Công an huyện G)

[8] Án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Bị cáo Pphải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng)

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Tuyên bố bị cáo Châu Tấn P (Lem) phạm tội "Công nhiên chiếm đoạt tài sản" được quy định tại khoản 1 Điều 172 của Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017)

Áp dụng Điều 38; Điều 46; Điều 47; Điều 48; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm b khoản 1 Điều 172 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[2] Xử phạt bị cáo Châu Tấn P (Lem) 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

Tiếp tục duy trì lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 01/LCCT-TA ngày 22/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện G đối với bị cáo để đảm bảo thi hành án.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu nên HĐXX miễn xét.

[4] Các biện pháp tư pháp: áp dụng Điều 46 Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017); Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Vật chứng là số khúc cây Bạch Đàn, Tràm Bông vàng đã trao trả cho chủ sở hữu (chi cục thủy lợi) nên miễn xét.

Trả lại cho ông Bùi Văn C: 01 (một) máy cưa cây màu đỏ dài 80cm, lưỡi cưa bằng Kim loại dài 40cm, đã qua sử dụng (không rõ nhãn hiệu).

Trả lại cho ông Huỳnh Văn T 01 (một) máy cưa cây màu vàng dài 80cm, lưỡi cưa bằng kim loại dài 40cm, đã qua sử dụng (không rõ nhãn hiệu)..

[5] Án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo Châu Tấn P (Lem) chịu án phí hình sự sơ thẩm số tiền 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng)

[6] Quyền kháng cáo: Bị cáo, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 30/5/2019).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thi được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang
- VKSND huyện G;
- Công an tỉnh Kiên Giang (PV27);
- Sở Tư pháp tỉnh Kiên Giang;
- Cơ quan CSĐT, CA h. Giang Thành;
- Chi cục THADS huyện G;
- Bị cáo, Những người TGTT;
- Lưu: HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Hồng Phong